

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỐN QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2025 KHỐI TRƯỜNG HỌC
(Kèm theo Báo cáo số 189/UBND-BC ngày 06/6/2025 của UBND huyện Hồn Quản)

Đvt: Đồng

Stt	Tên trường	Dự toán đầu năm 2025	Dự toán điều chỉnh		Tổng dự toán điều chỉnh 2025	Thuyết minh
			Dự toán đã bổ sung	Dự toán tiếp tục bổ sung		
1	2	3	4	5	6=(3+4+5)	7
I	Khối mầm non	52.217.534.000	627.365.000	160.357.000	53.005.256.000	
1	Trường Mầm non Thanh An	5.652.764.000	58.443.000	-	5.711.207.000	
2	Trường Mầm non Đồng Nơ	4.186.710.000	48.146.000	-	4.234.856.000	
3	Trường Mầm non Phước An	4.485.389.000	45.335.000	-	4.530.724.000	
4	Trường Mầm non Tân Khai	4.851.268.000	55.101.000	-	4.906.369.000	
5	Trường Mầm non Tân Lợi	3.237.897.000	32.930.000	1.440.000	3.272.267.000	- Kinh phí hỗ trợ bữa ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP năm học 2024-2025: 1.440.000 đồng
6	Trường Mầm non Thanh Bình	2.435.101.000	25.712.000	-	2.460.813.000	
7	Trường Mầm non Tân Hưng	4.263.464.000	120.069.000	-	4.383.533.000	
8	Trường Mầm non Minh Đức	3.306.919.000	37.513.000	-	3.344.432.000	
9	Trường Mầm non Tân Hiệp	3.722.263.000	42.809.000	-	3.765.072.000	
10	Trường Mầm non Minh Tâm	2.343.497.000	21.050.000	158.917.000	2.523.464.000	- Kinh phí thôi việc theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP cô Ngô Thị Tuyết: 158.917.000 đồng
11	Trường Mầm non An Khương	3.400.757.000	33.177.000	-	3.433.934.000	
12	Trường Mầm non Tân Quan	3.745.682.000	36.805.000	-	3.782.487.000	
13	Trường Mầm non An Phú	2.828.547.000	29.532.000	-	2.858.079.000	
14	Trường Mầm non Tân Khai B	3.757.276.000	40.743.000	-	3.798.019.000	
II	Khối tiểu học	62.535.582.000	628.449.000	-	63.164.031.000	
15	Trường Tiểu Học Thanh An	11.209.231.000	105.837.000	-	11.315.068.000	
16	Trường Tiểu Học Trà Thanh	6.654.296.000	62.369.000	-	6.716.665.000	
17	Trường Tiểu Học Tân Hưng A	12.033.806.000	124.454.000	-	12.158.260.000	
18	Trường Tiểu Học Tân Hưng B	6.338.302.000	65.163.000	-	6.403.465.000	
19	Trường Tiểu Học Tân Khai A	11.632.569.000	121.891.000	-	11.754.460.000	
20	Trường Tiểu Học Tân Khai B	6.412.987.000	64.608.000	-	6.477.595.000	
21	Trường Tiểu Học Đồng Nơ	8.254.391.000	84.127.000	-	8.338.518.000	
22	Khối THCS	41.644.682.000	456.898.000	-	42.101.580.000	
23	Trường THCS Tân Hưng	10.362.695.000	117.812.000	-	10.480.507.000	
24	Trường THCS Thanh An	10.958.484.000	119.095.000	-	11.077.579.000	
25	Trường THCS Đồng Nơ	7.569.360.000	86.011.000	-	7.655.371.000	
26	Trường THCS Tân Khai	12.754.143.000	133.980.000	-	12.888.123.000	
IV	Khối TH&THCS	113.602.202.000	1.485.596.605	-	115.087.798.605	
27	Trường Tiểu Học &THCS An Khương	13.283.510.000	127.305.000	-	13.410.815.000	
28	Trường Tiểu Học &THCS An Phú	10.028.788.000	103.938.000	-	10.132.726.000	
29	Trường Tiểu Học &THCS Minh Đức	9.692.542.000	87.478.000	-	9.780.020.000	
30	Trường Tiểu Học &THCS Tân Hiệp	15.105.304.000	439.689.000	-	15.544.993.000	
31	Trường Tiểu Học &THCS Tân Lợi	14.605.937.000	142.957.000	-	14.748.894.000	
32	Trường Tiểu Học &THCS Phước An	17.172.708.000	163.996.000	-	17.336.704.000	
33	Trường Tiểu Học &THCS Tân Quan	14.106.838.000	144.603.000	-	14.251.441.000	
34	Trường Tiểu Học &THCS Thanh Bình	9.565.154.000	99.473.000	-	9.664.627.000	
35	Trường Tiểu Học & THCS Minh Tâm	10.041.421.000	176.157.605	-	10.217.578.605	
	TỔNG CỘNG	270.000.000.000	3.198.308.605	160.357.000	273.358.665.605	